TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **77**/2022/DS-ST
Ngày: 25 - 9 - 2022
"*T/c chia thừa kế*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa:* Ông Trần Văn Tới

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Tấn Để

2. Bà Hồ Thị Hoa

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Phan Thị Hồng Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 195/2020/TLST- DS ngày 30 tháng 11 năm 2020 về việc "*Chia thừa kế*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 195/2022/QĐXXST- DS ngày 26 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị M, sinh năm 1965 *(có mặt)*.

Địa chỉ: ấp PL, xã VKĐ, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

** Bị đơn:* Ông Hồ Văn A, sinh năm 1974 *(có mặt)*.

Địa chỉ: ấp MĐ, xã VKĐ, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Hồ Văn A là Luật sư Võ Quang Thuận, Đoàn luật sư tỉnh An Giang (có mặt).

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Hồ Văn A1, sinh năm 1972 *(có mặt)*

- Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1977 *(vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: ấp MĐ, xã VKĐ, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Đ là ông Hồ Văn A, sinh năm 1974, địa chỉ: ấp MĐ, xã VKĐ, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang theo văn bản ủy quyền ngày 08/7/2021 (có mặt).

- Bà Hồ Thị P, sinh năm 1966 *(có mặt)*.

Địa chỉ: ấp MĐA, xã VK, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Hồ Thị M trình bày:***

Cha mẹ bà Hồ Thị M là cụ Hồ Văn D (chết ngày 27/5/2012), cụ Nguyễn Thị V (chết ngày 21/9/2017), cụ D và cụ V chết không để lại di chúc. Sinh thời cụ D, cụ V có 4 người con tên Hồ Thị M, Hồ Thị P, Hồ Văn A1, Hồ Văn A. Khi cụ D và cụ V chết có để lại diện tích đất trồng lúa theo giấy chứng nhận QSD đất số vào sổ: G000345 ngày 25/2/2004, diện tích 27.217 m^2, đo thực tế 18.367,3 m^2, do cụ Hồ Văn D đứng tên và diện tích đất trồng lá theo giấy chứng nhận QSD đất số vào sổ: GCN: CH00247 và số: CH00248 cùng ngày 14/9/2012, diện tích 8.473 m^2, đo thực tế 7.798,1 m^2, do ông Hồ Văn A đứng tên.

. Lúc cụ D còn sống, cụ D có cho ông A1 và ông A mỗi ông 05 công đất trồng lúa tầm 03 mét, diện tích còn lại là 04 công tầm 03 mét. Nay bà M yêu cầu chia cho bà M và bà P mỗi người 02 công tầm 03 mét, vì trước đây ông D có nói là sau này chia cho bà M và bà P mỗi người 02 công tầm 03 mét, không yêu cầu chia diện tích đất trồng lá đo thực tế 7.798,1 m^2 do ông A đứng tên.

Tại phiên tòa, bà M yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất cho ông Hồ Văn A và Hồ Văn A1 mỗi người 05 công tầm 03 mét; chia đôi diện tích đất còn lại của ông D, bà V cho bà và bà P; xin rút yêu cầu chia thừa kế diện tích đất trồng lá.

**** Tại phiên họp hòa giải và các lời khai tại Tòa án bị đơn ông Hồ Văn A trình bày:***

Về nội dung mà bà M trình bày là đúng. Riêng diện tích đất trồng lá đo thực tế là 7.798,1 m^2 là do ông D cho ông A, tại thời điểm đó ông D chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Theo yêu cầu của bà M, ông A có ý kiến như sau: Ông A yêu cầu được tiếp tục sử dụng diện tích đất trồng lá đo thực tế là 7.798,1 m^2; yêu cầu chia 04 công đất trồng lúa của ông D còn lại thành 5 phần, ông A yêu cầu được nhận 2 phần, trong đó có một phần là công gìn giữ tài sản.

Tại phiên tòa, ông Hồ Văn A đồng ý thực hiện theo nguyện vọng của ông D, và V theo tờ chia đất ông D viết vào năm 2006; yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất cho ông và Hồ Văn A1 mỗi người 05 công tầm 03 mét; đồng ý chia cho bà M và bà P mỗi người một nửa diện tích đất còn lại của ông D, bà V; đồng ý cho bà M rút yêu cầu chia thừa kế diện tích đất trồng lá.

- Luật sư trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự tại phiên

tòa và đồng thời yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét chia theo pháp luật diện tích đất trồng lúa là 6.184,6 m^2, tại thửa số 3 theo Tờ trích đo địa chính số 42-2021 ngày 14/6/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện An Minh nếu được.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Hồ Văn A1 trình bày: Từ trước đến năm 2012 ông D sử dụng toàn bộ diện tích đất của ông D đến năm 2016 ông D, bà V cho ông và ông A mỗi người 05 công đất trồng lúa (công tầm 3 mét), còn lại hơn 04 công tầm 03 mét ông D cho thuê. Sau khi ông D, bà V chết thì ông A sử dụng hơn 04 công đất này đến nay. Nay ông yêu cầu được tiếp tục sử dụng 05 công tầm 3 mét ngay vị trí đất mà ông đang sử dụng, tính từ phía giáp đất ông Nguyễn Văn Thấn đo qua, diện tích đất còn lại hơn 04 công tầm 03 mét ông đồng ý chia cho bà M và bà P mỗi người một nửa.

Tại phiên tòa, ông A1 yêu cầu được tiếp tục sử dụng 05 công tầm 3 mét ngay vị trí đất mà ông đang sử dụng; đồng ý chia cho bà M, bà P diện tích đất còn lại hơn 04 công tầm 03 mét mỗi người một nửa; xin rút yêu cầu chia thừa kế diện tích đất trồng lá.

- Bà Hồ Thị P trình bày: Từ trước đến năm 2012 ông D sử dụng toàn bộ diện tích đất của ông D đến năm 2016 ông D, bà V cho ông A1 và ông A mỗi người 05 công đất trồng lúa (công tầm 3 mét), còn lại hơn 04 công tầm 03 mét ông D cho thuê. Sau khi ông D, bà V chết thì ông A sử dụng hơn 04 công đất này đến nay. Nay bà yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất cho ông A1 và ông A mỗi người 05 công tầm 3 mét, còn lại diện tích hơn 04 công tầm 03 mét bà yêu cầu chia cho bà và bà M mỗi người một nửa, chia theo chiều dọc, bà xin nhận phía giáp với ông A.

Tại phiên tòa, bà P giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu; đồng ý cho bà M, ông A1 rút yêu cầu chia diện tích đất trồng lá; giao cho ông A toàn quyền sử dụng diện tích đất trồng lá.

- Kiểm sát viên phát biểu:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án xác định đúng mối quan hệ pháp luật tranh chấp; Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các vị Hội thẩm, Thư ký, nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn thực hiện chưa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự

Hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự; chấp nhận một phần đề nghị của luật sư.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Ngày 26/8/2022 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự và quyết định hoãn phiên tòa. Ngày 23/9/2022 Tòa án nhận được giấy giới thiệu của Văn phòng Luật sư Võ Quang Thuận, nội dung giới thiệu Luật sư Võ Quang Thuận tham gia tố tụng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Hồ Văn A nên trong quyết định đưa vụ án ra xét xử không ghi người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông A và phiên tòa được mở ngày hôm nay.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Hội đồng xét xử xác định mối quan hệ pháp luật là chia thừa kế, đối tượng là quyền sử dụng đất.

[3] Về nguồn gốc và nội dung: Sinh thời cụ Hồ Văn D và cụ Nguyễn Thị V có 4 người con tên Hồ Thị M, Hồ Thị P, Hồ Văn A1, Hồ Văn A; cụ D và cụ V được cha mẹ tặng cho diện tích đất trồng lúa, theo giấy chứng nhận QSD đất số vào sổ: G000345 ngày 25/02/2004, diện tích 27.217 m^2, đo thực tế 18.367,3 m^2, do cụ Hồ Văn D đứng tên và diện tích đất trồng lá, theo giấy chứng nhận QSD đất số vào sổ: GCN: CH00247 và số: CH00248 cùng ngày 14/9/2012, diện tích 8.473 m^2, đo thực tế 7.798,1 m^2, do ông Hồ Văn A đứng tên.

Vào năm 2006 cụ D có cho ông A1 và ông A mỗi người 05 công tầm 03 mét đất trồng lúa, còn lại 04 công tầm 03 mét (đo thực tế là 5.407,2 m^2) cụ D cho ông A1 và ông A mỗi người thuê 02 công. Ngày 27/5/2012 cụ D chết, ngày 21/9/2017 cụ V chết, Cụ D, cụ V không để lại di chúc.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 04/8/2022 bà Hồ Thị M, bà Hồ Thị P, ông Hồ Văn A1, ông Hồ Văn A đều xác định di sản mà cụ ông Hồ Văn D, cụ bà Nguyễn Thị V để lại đối với đất trồng lúa đo thực tế 18.367,3 m^2, tại thửa 1 và thửa 2, theo tờ trích đo địa chính số: TĐ 42 - 2021 ngày 14/6/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện An Minh.

Tại phiên tòa, bà M, bà P, ông A1 không yêu cầu chia diện tích đất trồng lá đo thực tế là 7.798,1 m^2, mà để lại cho ông A tiếp tục sử dụng dùng vào việc thờ cúng cha mẹ và công gìn giữ di sản nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Cũng tại phiên tòa, bà M, bà P, ông A1 và ông A thỏa thuận và thống nhất với nhau về việc chia diện tích đất trống lúa đo thực tế 18.367,3 m^2, cụ thể như sau: Thực hiện theo ý nguyện của cụ D và cụ V, công nhận quyền sử dụng đất cho ông Hồ Văn A1 diện tích 6.480 m^2, vị trí: Hướng đông nam giáp đất ông Hồ Văn A1 điểm 4 đo qua điểm 5 là 39,74 mét, hướng đông bắc giáp đất ông Nguyễn Văn Thấn điểm 1-2-

3-4 là 151,3 mét, hướng tây nam giáp đất chia cho bà Hồ Thị M 178,65 mét, hướng tây bắc giáp đất ông Trần Văn A2, điểm 1 đo qua điểm 6 là 49,68 mét; chia cho bà Hồ Thị M 2.702,7 m^2, vị trí: Hướng đông nam giáp đất ông Hồ Văn A và Hồ Văn A1, tính từ giáp đất ông Hồ Văn A1 đo qua là 15,65 mét, hướng đông bắc giáp đất ông Hồ Văn A1 là 178,65 mét, hướng tây nam giáp đất chia cho bà Hồ Thị P là 184,76 mét, hướng tây bắc giáp đất ông Hồ Văn A và Trần Văn A2 tính từ đất của ông Hồ Văn A1 đo qua là 14,88 mét; chia cho bà Hồ Thị P 2.703,6 m^2, vị trí: Hướng đông nam giáp đất ông Hồ Văn A là 14,27 mét, hướng đông bắc giáp đất chia cho bà Hồ Thị M là 178,65 mét, hướng tây nam giáp đất công nhận cho ông Hồ Văn A là 180,02 mét, hướng tây bắc giáp đất ông Hồ Văn A là 16,47 mét; công nhận quyền sử dụng đất cho ông Hồ Văn A diện tích 6.480 m^2, vị trí: Hướng đông nam giáp đất ông Hồ Văn A là 50,86 mét, hướng đông bắc giáp đất chia cho bà Hồ Thị P là 180,02 mét, hướng tây nam giáp ông Hồ Văn A, ông Phạm Văn V1 là 166,03 mét, hướng tây bắc giáp đất ông Hồ Văn A1 là 31,62 mét.

(Vị trí khu đất, độ dài các cạnh tại các điểm giáp ranh, các hướng giáp ranh được mô tả theo tờ trích đo địa chính số: TĐ 42 - 2021 ngày 14/6/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đi huyện An Minh)

Ông Hồ Văn A được toàn quyền sử dụng diện tích đất trồng lá đo thực tế 7798,1 m^2, theo tờ trích đo địa chính số: TĐ 21 và 22- 2021 ngày 03/3/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đi huyện An Minh.

Tại chứng thư định giá số: 39/CT-KGGL ngày 30/3/2022 của Công ty TNHH MTV Bất Động Sản Đất Vàng Kiên Giang thì giá trị quyền sử dụng đất loại đất trồng lúa là 41.000đ/m^2, cây trồng có giá trị là 19.663.000 đồng.

Từ những nhận định nêu trên, sau khi thảo luận, nghị bàn. Hội đồng xét xử xét thấy sự tự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội và đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Công nhận quyền sử dụng đất cho ông Hồ Văn A1 diện tích 6.480 m^2, vị trí: Hướng đông nam giáp đất ông Hồ Văn A1 điểm 4 đo qua điểm 5 là 39,74 mét, hướng đông bắc giáp đất ông Nguyễn Văn Thấn điểm 1-2-3-4 là 151,3 mét, hướng tây nam giáp đất chia cho bà Hồ Thị M 178,65 mét, hướng tây bắc giáp đất ông Trần Văn A2, điểm 1 đo qua điểm 6 là 49,68 mét.

Chia cho bà Hồ Thị M 2.702,7 m^2, vị trí: Hướng đông nam giáp đất ông Hồ Văn A và Hồ Văn A1, tính từ giáp đất ông Hồ Văn A1 đo qua là 15,65 mét, hướng đông bắc giáp đất ông Hồ Văn A1 là 178,65 mét, hướng tây nam giáp đất chia cho bà

Hồ Thị P là 184,76 mét, hướng tây bắc giáp đất ông Hồ Văn A và Trần Văn A2 tính từ đất của ông Hồ Văn A1 đo qua là 14,88 mét.

Chia cho bà Hồ Thị P 2.703,6 m^2, vị trí: Hướng đông nam giáp đất ông Hồ Văn A là 14,27 mét, hướng đông bắc giáp đất chia cho bà Hồ Thị M là 178,65 mét, hướng tây nam giáp đất công nhận cho ông Hồ Văn A là 180,02 mét, hướng tây bắc giáp đất ông Hồ Văn A là 16,47 mét.

Công nhận quyền sử dụng đất cho ông Hồ Văn A diện tích 6.480 m^2, vị trí: Hướng đông nam giáp đất ông Hồ Văn A là 50,86 mét, hướng đông bắc giáp đất chia cho bà Hồ Thị P là 180,02 mét, hướng tây nam giáp ông Hồ Văn A, ông Phạm Văn V1 là 166,03 mét, hướng tây bắc giáp đất ông Hồ Văn A1 là 31,62 mét.

(Vị trí khu đất, độ dài các cạnh tại các điểm giáp ranh, các hướng giáp ranh được mô tả theo tờ trích đo địa chính số: TĐ 42 - 2021 ngày 14/6/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện An Minh (có bản vẽ minh họa kèm theo)).

Ông Hồ Văn A được toàn quyền sử dụng diện tích đất trồng lá đo thực tế 7798,1 m^2, theo tờ trích đo địa chính số: TĐ 21 và 22- 2021 ngày 03/3/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện An Minh.

Xét thấy thửa 3, theo tờ trích đo địa chính số: TĐ 42 - 2021 ngày 14/6/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện An Minh thì nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu và bị đơn không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu bị đơn xác định đây là di sản do cụ D và cụ V để lại thì có quyền khởi kiên thành vụ kiện khác.

Đình chỉ yêu cầu chia thừa kế đối tượng là quyền sử dụng đất trồng lá của bà Hồ Thị M, ông Hồ Văn A1 đối với ông Hồ Văn A.

[4]. Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 8 Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Hồ Thị M chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.540.000 đồng (2.702,7 m^2 x 41.000đ/m^2 x 5%), được trừ vào 3.498.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006141 ngày 23/11/2020 và số 0005048 ngày 22/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Bà M còn phải nộp thêm 2.042.000 đồng.

Buộc bà Hồ Thị P chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.542.000 đồng (2.703,6 m^2 x 41.000đ/m^2 x 5%), được trừ vào 2.985.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005390 ngày 24/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Bà P còn phải nộp thêm 2.557.000 đồng.

Ông Hồ Văn A1 và ông Hồ Văn A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Hồ Văn A1 4.762.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006287 ngày 18/3/2021 và lai thu số 0005049 ngày 22/10/2021của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

[5] Về chi phí tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Buộc ông Hồ Văn A chịu phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.224.000 đồng, theo hóa đơn giá trị gia tăng số: 0000418 ngày 18/6/2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Mai Thành Nghiệp và 50% phí thẩm định giá là 4.750.000 đồng, theo hóa đơn giá trị gia tăng số: 0000031 ngày 31/3/2022 của Công ty TNHH MTV Bất động sản Đất Vàng Kiên Giang. Do bà Hồ Thị M nộp tạm ứng trước nên buộc ông Hồ Văn A trả lại cho bà Hồ Thị M 9.974.000 đồng (5.224.000 đ + 4.750.000 đ)

Buộc bà Hồ Thị M chịu phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.696.000 đồng, theo hóa đơn giá trị gia tăng số: 0000870 ngày 07/3/2022 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Mai Thành Nghiệp và 50% phí thẩm định giá là 4.750.000 đồng, theo hóa đơn giá trị gia tăng số: 0000031 ngày 31/3/2022 của Công ty TNHH MTV Bất động sản Đất Vàng Kiên Giang. Bà M đã nộp tạm ứng xong.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ 235, 244, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự

Áp dụng: Điều 649, Điều 650, Điều 651của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử: Ghi nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Công nhận quyền sử dụng đất cho ông Hồ Văn A1 diện tích 6.480 m^2, vị trí: Hướng đông nam giáp đất ông Hồ Văn A1 điểm 4 đo qua điểm 5 là 39,74 mét, hướng đông bắc giáp đất ông Nguyễn Văn Thấn điểm 1-2-3-4 là 151,3 mét, hướng tây nam giáp đất chia cho bà Hồ Thị M 178,65 mét, hướng tây bắc giáp đất ông Trần Văn A2, điểm 1 đo qua điểm 6 là 49,68 mét.

Chia cho bà Hồ Thị M 2.702,7 m^2, vị trí: Hướng đông nam giáp đất ông Hồ Văn A và Hồ Văn A1, tính từ giáp đất ông Hồ Văn A1 đo qua là 15,65 mét, hướng đông bắc giáp đất ông Hồ Văn A1 là 178,65 mét, hướng tây nam giáp đất chia cho bà

Hồ Thị P là 184,76 mét, hướng tây bắc giáp đất ông Hồ Văn A và Trần Văn A2 tính từ đất của ông Hồ Văn A1 đo qua là 14,88 mét.

Chia cho bà Hồ Thị P 2.703,6 m^2, vị trí: Hướng đông nam giáp đất ông Hồ Văn A là 14,27 mét, hướng đông bắc giáp đất chia cho bà Hồ Thị M là 178,65 mét, hướng tây nam giáp đất công nhận cho ông Hồ Văn A là 180,02 mét, hướng tây bắc giáp đất ông Hồ Văn A là 16,47 mét.

Công nhận quyền sử dụng đất cho ông Hồ Văn A diện tích 6.480 m^2, vị trí: Hướng đông nam giáp đất ông Hồ Văn A là 50,86 mét, hướng đông bắc giáp đất chia cho bà Hồ Thị P là 180,02 mét, hướng tây nam giáp ông Hồ Văn A, ông Phạm Văn V1 là 166,03 mét, hướng tây bắc giáp đất ông Hồ Văn A1 là 31,62 mét.

(Vị trí khu đất, độ dài các cạnh tại các điểm giáp ranh, các hướng giáp ranh được mô tả theo tờ trích đo địa chính số: TĐ 42 - 2021 ngày 14/6/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đi huyện An Minh (có bản vẽ minh họa kèm theo))

Ông Hồ Văn A được toàn quyền sử dụng diện tích đất trồng lá đo thực tế 7798,1 m^2, theo tờ trích đo địa chính số: TĐ 21 và 22- 2021 ngày 03/3/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đi huyện An Minh.

Đình chỉ yêu cầu chia thừa kế đối tượng là quyền sử dụng đất trồng lá của bà Hồ Thị M, ông Hồ Văn A1 đối với ông Hồ Văn A.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 8 Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc Bà Hồ Thị M chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.540.000 đồng (2.702,7 m^2 x 41.000đ/m^2 x 5%), được trừ vào 3.498.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006141 ngày 23/11/2020 và số 0005048 ngày 22/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Bà M còn phải nộp thêm 2.042.000 đồng.

Buộc Bà Hồ Thị P chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.542.000 đồng (2.703,6 m^2 x 41.000đ/m^2 x 5%), được trừ vào 2.985.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005390 ngày 24/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Bà P còn phải nộp thêm 2.557.000 đồng.

Ông Hồ Văn A1 và ông Hồ Văn A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Hồ Văn A1 4.762.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006287 ngày 18/3/2021 và lai thu số 0005049 ngày 22/10/2021của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

Về chi phí tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Buộc ông Hồ Văn A chịu phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.224.000 đồng, theo hóa đơn giá trị gia tăng số: 0000418 ngày 18/6/2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Mai Thành Nghiệp và 50% phí thẩm định giá là 4.750.000 đồng, theo hóa đơn giá trị gia tăng số: 0000031 ngày 31/3/2022 của Công ty TNHH MTV Bất động sản Đất Vàng Kiên Giang. Do bà Hồ Thị M nộp tạm ứng trước nên buộc ông Hồ Văn A trả lại cho bà Hồ Thị M 9.974.000 đồng (5.224.000 đ + 4.750.000 đ)

Buộc bà Hồ Thị M chịu phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.696.000 đồng, theo hóa đơn giá trị gia tăng số: 0000870 ngày 07/3/2022 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Mai Thành Nghiệp và 50% phí thẩm định giá là 4.750.000 đồng, theo hóa đơn giá trị gia tăng số: 0000031 ngày 31/3/2022 của Công ty TNHH MTV Bất động sản Đất Vàng Kiên Giang. Bà M đã nộp tạm ứng xong.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Báo quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt, báo cho các đương sự biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh KG;*
- *VKSND huyện AM*
- *Chi cục THADS huyện AM;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: HSVA, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Trần Văn Tới